

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**Ngô Thị Kiều Oanh**

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ XÂY DỰNG**  
**TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP**  
**CỦA NGƯỜI LÀM LƯU TRỮ**

**Chuyên ngành: Lưu trữ học**

**Mã số: 62 32 03 01**

**DỰ THẢO TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LƯU TRỮ HỌC**

**Hà Nội - 2022**

**Công trình được hoàn thành tại:**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS .TS. Nguyễn Minh Phương

Giới thiệu:

Giới thiệu:

Giới thiệu:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ  
họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN  
vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2022

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Tài liệu lưu trữ là kho tài nguyên thông tin quý giá của dân tộc, góp phần lưu giữ và truyền lại cho muôn đời sau những thông tin quá khứ có giá trị đặc biệt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế, kiến thiết quốc gia. Vì vậy phải thực hiện tốt mục tiêu bảo vệ an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ. Để đạt được điều này phụ thuộc rất lớn vào thái độ, nhận thức, hành vi của con người ứng xử với tài liệu lưu trữ (TLLT). Trong đó con người là nhân tố quyết định trong quá trình cung cấp thông tin phục vụ cho việc khai thác sử dụng có hiệu quả TLLT. Việc nâng cao tinh thần, trách nhiệm, ý thức đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) đối với việc quản lý và sử dụng tài liệu là nhiệm vụ vô cùng cấp thiết đối người làm lưu trữ (NLLT). Do đó, nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐNN cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) trong hoạt động công vụ và hoạt động nghề nghiệp, nhằm xây dựng một nền công vụ phục vụ nhân dân, góp phần vào việc xây dựng văn hóa công vụ.

ĐĐNN là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trưng của nghề nghiệp. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú ý xây dựng các tiêu chuẩn làm cơ sở cho việc tuyển chọn cán bộ, công chức. Đảng ta cũng chỉ rõ công tác cán bộ là then chốt của vấn đề then chốt, trong đó việc xây dựng cách mạng nói chung, ĐĐNN nói riêng cho đội ngũ CBCCV hiện nay vừa có ý nghĩa cơ bản, vừa cấp bách, bởi đó làm một trong những mặt không thể thiếu được của việc xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính nhà nước. Do đó trong các lĩnh vực hoạt động của nhà nước, công tác này có vai trò không thể thiếu đối với hoạt động quản lý. Nó góp phần đảm bảo cung cấp thông tin cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức.

Muốn làm tốt công tác lưu trữ thì *con người* là chủ thể tích cực và đóng vai trò quan trọng trong quá trình cung cấp nguồn thông tin cho việc khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ và hiệu quả của công tác này tốt hay kém phụ thuộc vào thái độ phục vụ, ĐĐNN, hành vi của người làm công tác lưu trữ. Vì để thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi NLLT phải có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng, có ý thức giữ gìn bảo vệ an toàn tài liệu, không làm hư hỏng mất mát tài liệu, bảo đảm bí mật thông tin tài liệu và am hiểu về chuyên môn nghiệp vụ.

Nhận thức rõ điều này Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng đến việc trau dồi ĐĐNN trong công tác bằng việc ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật làm chuẩn mực đạo đức công vụ, ĐĐNN để làm cơ sở pháp lý phục vụ tốt cho công tác quản lý nguồn nhân lực thực hiện công tác lưu trữ.

Để thực hiện cải cách hành chính nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP Ban hành tổng thể chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, xác định rõ 06 lĩnh vực: “*Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số*” [10,tr.5]

Trong đó nội dung: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.* [10,tr.5] sẽ là mục tiêu để cơ quan quản lý hoạch định công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Chủ trương của Chính phủ cũng tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả sẽ là yếu tố quyết định chất lượng bộ máy nhà nước.

Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn về ĐĐNN phải dựa trên cơ sở khoa học học mới đảm bảo cho quá trình thực thi công việc, mới thật sự khoa học và thống nhất. Chính vì vậy chúng tôi chọn đề tài: “*Nghiên cứu cơ sở khoa học và xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho người làm lưu trữ*” để nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện tiêu chuẩn ĐĐNN của NLLT ở Việt Nam hiện nay. Từ đó nhằm cung cấp cơ sở khoa học để các cơ quan quản lý nhà nước tham khảo, tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam quy định về ĐĐNN của NLLT nhằm đáp ứng công cuộc cải cách hành chính, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Làm rõ cơ sở khoa học của việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn của đạo đức nghề nghiệp cho người làm lưu trữ.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Thực hiện đề tài này chúng tôi thực hiện những nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất:* Luận án hệ thống những nghiên cứu quốc tế và Việt Nam về đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ.

*Thứ hai:* Luận án làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ.

*Thứ ba:* Luận án khảo sát, đánh giá việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ ở Việt Nam.

*Thứ tư:* Luận án chỉ ra những ưu điểm và hạn chế, phân tích nguyên nhân của những hạn chế để tìm ra giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ.

*Thứ năm:* Trên cơ sở kết quả nghiên cứu Luận án sẽ phân tích và đưa ra đề xuất nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ.

### **3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu**

#### **3.1. Câu hỏi nghiên cứu**

*Câu hỏi 1:* Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ được xây dựng, ban hành có dựa trên căn cứ, cơ sở nào không?

*Câu hỏi 2:* Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp hiện nay có phù hợp không?

*Câu hỏi 3:* Nếu tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ chưa phù hợp thì có cần thiết phải hoàn thiện không và dựa trên căn cứ, cơ sở khoa học nào?

*Câu hỏi 4:* Nếu hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm lưu trữ cần phải thực hiện như thế nào?

#### **3.2. Giả thuyết nghiên cứu**

Chúng tôi đưa ra câu hỏi nghiên cứu dựa trên giả thuyết sau:

Việc xây dựng các TCĐĐNN của NLLT đã được cơ quan có thẩm quyền xây dựng dựa trên căn cứ, cơ sở khoa học, vì vậy TCĐĐNN tương đối phù hợp. Tuy nhiên các căn cứ chưa đầy đủ và thiếu tính hệ thống, do đó chưa đem lại hiệu quả cao trong công tác lưu trữ.

Vì vậy, cần thiết phải hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT. Khi thực hiện cần phải dựa vào cơ sở lý luận, tình hình thực tiễn và các quy định của pháp luật hiện hành để bảo đảm cho việc ban hành TCĐĐNN của NLLT phù hợp với tình hình thực tiễn.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi xác định đối tượng nghiên cứu là cơ sở khoa học về đạo đức nghề nghiệp và thực tiễn xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ ở Việt Nam.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Giới hạn về nội dung:* ĐĐNN của NLLT có nhiều các hiểu khác nhau, nhưng trong phạm vi Luận án, chúng tôi giới hạn nghiên cứu ở ĐĐNN là chuẩn mực về nhận thức và hành vi (trong hoạt động nghề lưu trữ). Đặc biệt chúng tôi tập trung nghiên cứu cơ sở khoa học hoàn thiện tiêu chuẩn ĐĐNN đối với NLLT.

*Giới hạn về không gian nghiên cứu:* ĐĐNN của NLLT tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp ở Việt Nam.

*Giới hạn về thời gian nghiên cứu:* Chủ yếu từ giai đoạn 2010 đến nay 2022 (từ khi có Luật Viên chức 2010 sửa đổi bổ sung 2019, Luật Lưu trữ 2011, Thông tư 13/2014/TT-BNV, Quyết định 916/QĐ-BNV Quy định về Quy tắc ứng xử của Viên chức ngành Lưu trữ).

## **5. Nguồn tư liệu, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu**

Để phục vụ cho quá trình nghiên cứu Luận án, chúng tôi sử dụng nhiều nguồn tài liệu, trong đó có hồ sơ xây dựng TCĐĐNN của viên chức lưu trữ đang được bảo quản tại Cục Văn thư-Lưu trữ Nhà nước và một số hồ sơ nghiên cứu về đạo đức được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng các nguồn tài liệu khác như: Các Nghị quyết của Đảng, Văn bản Quy phạm pháp luật của Nhà nước Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Nga, Canada, Thái Lan, Singapo, Hội đồng Lưu trữ Quốc tế (ICA)... về ĐĐNN, TCĐĐNN của người làm lưu trữ; các sách, giáo trình về công tác lưu trữ, đạo đức công vụ (đề cập đến các vấn đề lý luận về ĐĐNN), các bài viết trên Tạp chí, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, các Luận án, Luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học... liên quan đến nội dung Luận án.

## **6. Góc độ tiếp cận**

Có nhiều góc độ tiếp cận khác nhau để nghiên cứu về vấn đề này, nhưng trong phạm vi Luận án chúng tôi tiếp cận từ góc độ của Lưu trữ học. Đây là ngành khoa học đi nghiên cứu những quy luật, vấn đề lý luận, thực tiễn, pháp chế công tác lưu trữ. Trong phạm vi của Luận án chúng tôi nghiên cứu lý luận và thực tiễn xây dựng TCĐĐNN của NLLT. Đây là góc độ tiếp cận quan trọng nhất để giải quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án.

Ngoài ra, đây là nội dung nghiên cứu có tính chất liên ngành, vì vậy ngoài góc độ tiếp cận Lưu trữ học, chúng tôi còn tiếp cận từ góc độ liên ngành như: Triết học, Khoa học Quản lý, Pháp luật, Tâm lý học, Xã hội học để lý giải những quan điểm về đạo đức, ĐĐNN, các yếu tố cấu thành và quá trình hình thành ĐĐNN, vai trò và sự cần thiết phải xây dựng tiêu chuẩn ĐĐNN..., đồng thời hiểu được những cơ sở để xây dựng TCĐĐNN của người làm lưu trữ.

Bên cạnh đó, chúng tôi còn tiếp cận ở góc độ liên cấp (cơ quan xây dựng tiêu chuẩn ĐĐNN và cơ quan sử dụng người làm lưu trữ, đồng thời có sự tham gia của các cơ quan quản lý, các cấp quản lý trong hoàn thiện tiêu chuẩn ĐĐNN của NLLT. Việc hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT sẽ khắc phục được những cách làm áp đặt, chủ quan trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn và hoàn thiện TCĐĐNN. Với cách tiếp cận này viên chức lưu trữ không chỉ là đối tượng chịu sự tác động của kết quả nghiên cứu mà còn được tham dự vào quá trình nghiên cứu, xây dựng TCĐĐNN (thông qua quá trình khảo sát, lấy ý

kiến....) để họ có điều kiện phản ánh quan điểm, nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của bản thân, đồng thời họ cũng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện tốt các quy định về ĐĐNN đối với viên chức lưu trữ.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

Để phục vụ cho nghiên cứu Luận án, chúng tôi sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, chúng tôi sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau. Trong đó phương pháp sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu Chủ nghĩa duy vật Mác-Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng làm cơ sở lý luận để nghiên cứu về đạo đức nói chung và ĐĐNN của NLLT nói riêng để làm rõ các vấn đề nguyên tắc, tiêu chuẩn, chuẩn mực, để đặt trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Bởi đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, vì vậy phải đặt trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, thường xuyên vận động phát triển trong điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, môi trường công tác để thấy được sự phù hợp của TCĐĐNN trong giai đoạn hiện nay.

- *Phương pháp luận duy vật biện chứng*: chúng tôi sử dụng phương pháp này để có cái nhìn khách quan, biện chứng khi tìm hiểu về cơ sở lý luận, pháp lý về ĐĐNN của NLLT.

- *Phương pháp lịch sử*: được sử dụng trong quá trình nghiên cứu để phục vụ cho việc nghiên cứu về ĐĐNN đối với NLLT được thực hiện với một số nước trên thế giới và trong nước từ trước đến nay, từ đó đưa ra những tiêu chuẩn về ĐĐNN của NLLT ở Việt Nam chưa được đề cập đến.

- *Phương pháp hệ thống*: được sử dụng trong quá trình nghiên cứu để thấy được hệ thống các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của các nước trên thế giới và Việt Nam, từ đó tìm ra mối tương quan về TC ĐĐNN của các nước trên thế giới và Việt Nam để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt về TC ĐĐNN của NLLT của thế giới và Việt Nam. Với cách tiếp cận này phải đặt đối tượng nghiên cứu trong quan điểm về đáp ứng yêu cầu về phẩm chất đạo đức đối với viên chức lưu trữ trong bối cảnh thực hiện chương trình cải cách hành chính nhằm phục vụ nhân dân. Điều này sẽ giúp cho việc gắn kết ĐĐNN với TCĐĐNN của NLLT trong điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội hiện nay.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: chúng tôi sử dụng phương pháp này để nghiên cứu về ĐĐNN của NLLT ở một số quốc gia trên thế giới và tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện tiêu chuẩn về ĐĐNN của NLLT. Tìm ra những ưu điểm kế thừa, phân tích, luận giải và tổng hợp các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ĐĐNN của NLLT.

-*Phương pháp khảo sát*: dùng trong quá trình nghiên cứu để thu thập các thông tin, số liệu về việc nắm rõ, hiểu và thực hiện ĐĐNN với đối tượng khảo sát là viên chức, làm lưu trữ ở các cơ quan trung ương, địa phương. Bởi tiêu

chuẩn về TCĐĐNN đã được ban hành, tuy nhiên trong thực tế việc hiểu và áp dụng nó như thế nào cần phải được tiến hành khảo sát ở những nơi có hoạt động lưu trữ diễn ra. Phương pháp này được thực hiện cụ thể thông qua việc nghiên cứu, ghi chép thông tin trong hồ sơ lưu trữ, sử dụng mẫu phiếu khảo sát và điều tra xã hội học đối với các nhà khoa học, nhà quản lý, viên chức lưu trữ; sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với các chuyên gia tham gia xây dựng TCĐĐNN và quy tắc ứng xử ĐĐNN đối với viên chức lưu trữ. Từ đó có những đánh giá toàn diện về việc xây dựng TCĐĐNN cho NLLT.

- *Phương pháp phỏng vấn*: Để tìm hiểu về ĐĐNN của NLLT, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn một số lãnh đạo và các chuyên gia tham gia vào quá trình xây dựng TCĐĐNN của NLLT, cán bộ lưu trữ trực tiếp thực hiện công tác lưu trữ tại các cơ quan lưu trữ như Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, viên chức lưu trữ làm việc ở các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp và độc giả đến khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ để có cái nhìn toàn diện hơn về ĐĐNN của NLLT. Thông qua phương pháp này chúng tôi thu thập được những thông tin khách quan từ những người trực tiếp làm lưu trữ và gián tiếp làm công tác lưu trữ như: những người quản lý công tác lưu trữ, người trực tiếp thực hiện các khâu nghiệp vụ trong lưu trữ, độc giả đến khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ. Từ đó nắm được các quan điểm về ĐĐNN cần phải có đối với NLLT.

- *Phương pháp so sánh*: được chúng tôi sử dụng để so sánh các quy định và tiêu chuẩn về ĐĐNN của NLLT ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Từ đó tìm ra được những vấn đề ở Việt Nam đã đề cập và những vấn đề chưa được đề cập đến.

-*Phương pháp thử nghiệm giả định* được chúng tôi sử dụng trong việc kiểm định giả thuyết đặt ra, nhằm vận dụng vào kết quả nghiên cứu để dự kiến thực hiện trình tự các bước tiến hành xây dựng TCĐĐNN của NLLT đáp ứng với điều kiện thực tiễn hiện nay.

-Ngoài các phương pháp nêu trên, chúng tôi sử dụng *phương pháp suy luận logic, thống kê, tổng hợp phân tích, phương pháp nghiên cứu tài liệu* để tìm hiểu các nội dung liên quan đến việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của NLLT; cơ sở khoa học mà các cơ quan quản lý nhà nước, người làm công tác quản lý về công tác lưu trữ đã xây dựng TCĐĐNN như thế nào từ phương pháp so sánh, phân tích nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, thống kê các nguồn tư liệu liên quan đến Luận án để từ đó sử dụng phương pháp suy luận logic nhằm định hướng cho giải pháp bổ sung, hoàn thiện các TCĐĐNN của NLLT trên cơ sở nhận xét, đánh giá và đưa ra cơ sở khoa học cho việc xây dựng TCĐĐNN.



## **8. Đóng góp của Luận án**

Kết quả nghiên cứu khẳng định: Cùng với khoa học nghiệp vụ lưu trữ còn có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (pháp chế) quy định về lĩnh vực này. Thông qua quá trình nghiên cứu Luận án đã bổ sung vào hệ thống lý luận về pháp chế lưu trữ, cụ thể là đã chỉ ra được cơ sở khoa học cho việc xây dựng TCĐĐNN của NLLT và định hướng hoàn thiện hơn nữa các tiêu chuẩn này cho NLLT vì họ là nhân tố quan trọng nhất quyết định hiệu suất chất lượng của công tác lưu trữ, là yếu tố nòng cốt để phục vụ cho việc xây dựng và phát triển ngành lưu trữ. Thành quả của Luận án đem lại chính là giá trị khoa học làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN nói chung và của ngành lưu trữ nói riêng, giúp cho khoa học về lưu trữ ngày càng phát triển.

Hơn thế nữa, công trình nghiên cứu sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách có thể tham khảo, sử dụng để phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn ĐĐNN của người làm lưu trữ nhằm hướng tới việc quản lý, giữ gìn, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực làm công tác lưu trữ vừa hồng, vừa chuyên, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển ngành theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

## **9. Bố cục của Luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, phần nội dung Luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

Chương 3. Thực trạng xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

Chương 4: Giải pháp xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

Phần cuối Luận án là Danh mục các tài liệu tham khảo và các Phụ lục.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực và cố gắng nhưng luận án không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý Thầy Cô, các chuyên gia để luận án được hoàn thiện.

Tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, giảng viên hướng dẫn, các thầy cô Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận án

## **Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

Với đề tài “Nghiên cứu cơ sở khoa học và xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ”, chúng tôi xác định những từ khóa: Đạo đức, Đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ và xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ. Dựa vào những từ khóa này, chúng tôi tìm kiếm các công trình nghiên cứu về vấn đề nói trên:

### **1.1. Nguồn tư liệu, tài liệu phục vụ nghiên cứu tổng quan**

#### ***1.1.1. Nguồn tư liệu nước ngoài***

Với Luận án “*Cơ sở khoa học hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ*” chúng tôi xác định tổng quan nghiên cứu trên cơ sở các từ khóa sau đây: *Đạo đức, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ*. Với các từ khóa này trong thời gian qua tác giả đã khảo cứu nhiều công trình khoa học nước ngoài và trong nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Các công trình khoa học đó được các tác giả tiếp cận dưới nhiều góc độ và đối tượng khác nhau, để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi tiến hành tổng hợp các công trình khoa học trước đó, từ đó tìm ra khoảng trống để tiếp tục thực hiện quá trình nghiên cứu Luận án.

Ở nước ngoài, do không có điều kiện nghiên cứu tài liệu (TL) trực tiếp, chúng tôi đã tiếp cận các công trình nghiên cứu qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: thông qua hệ thống mạng Internet, nhờ các chuyên gia (đang làm việc, đi công tác và các Nghiên cứu sinh đang học tập ở nước ngoài) tìm và dịch TL có ở các thư viện nước ngoài, TL được dịch thuật tại Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Tư liệu, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

#### ***1.1.2. Nguồn tư liệu trong nước***

Ở trong nước, chúng tôi khảo cứu các công trình nghiên cứu khoa học thông qua Danh mục các công trình nghiên cứu khoa học tại Tư liệu Khoa Lưu trữ và Quản trị Văn phòng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Quốc gia, Thư viện Học viện Hành chính Quốc gia, Thư viện Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, Tạp chí Quản lý Nhà nước, Tạp chí Lưu trữ và Thời đại, Tạp chí Khoa học Nội vụ, Tạp chí Triết học, Tạp chí Văn thư Lưu trữ, Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin Tư liệu, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Phòng Lưu trữ - Bộ Nội vụ, Tư liệu Cục Lưu trữ Văn phòng trung ương Đảng, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Ngoài ra, chúng tôi tiếp cận sử dụng các bài viết của các nhà khoa học được đăng trên các Hội thảo Quốc gia, Kỷ yếu hội thảo Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, chúng tôi tiếp cận các bài viết, các nghiên cứu có liên quan được đăng tải trên mạng internet, các trang website cung cấp tư liệu như: tapchiconsan.org.vn, archives.gov.vn, caicachhanhchinh.gov.vn ...

## **1.2. Thống kê và nhận xét về nguồn tư liệu được sử dụng trong tổng quan**

### **1.2.1. Thống kê số lượng và loại hình nghiên cứu**

#### **a. Nguồn tư liệu nước ngoài**

**Ở nước ngoài:** Qua nhiều kênh thông tin khác nhau chúng tôi đã khảo cứu được 16 công trình nghiên cứu có đề cập đến đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới.

**Ở trong nước:** Qua khai thác tài liệu ở các thư viện và nhiều nguồn khác nhau chúng tôi đã thu thập được 16 giáo trình và sách đề cập đến các nội dung liên quan đến lý luận đạo đức, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, các quy định về tiêu chuẩn đạo đức của người làm lưu trữ và lý luận về lưu trữ học.

### **1.2.2. Thời gian công bố các công trình nghiên cứu**

Qua khảo cứu cho thấy công trình được công bố sớm nhất là vào năm 1990 và muộn nhất là năm 2021. Trong đó có một số công trình là các bài viết có liên quan đến lĩnh vực của luận án được công bố vào năm 2021. Các công trình này phần lớn được nghiên cứu vào khoảng những năm 2004 trở lại đây. Đây là khoảng thời gian có nhiều công trình nghiên cứu hơn về vấn đề này (như đã thống kê ở trên).

### **1.2.3. Phương pháp nghiên cứu**

Quan nghiên cứu các công trình có liên quan đến nội dung Luận án cho thấy các tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để nghiên cứu về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, ĐĐNN của NLLT, TCĐĐNN của NLLT.

Các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau gồm: Phương pháp nhận thức khoa học mác xít, phương pháp phân tích khảo sát, phương pháp hệ thống hóa được áp dụng đối với nghiên cứu về “Quy tắc đạo đức của cán bộ lưu trữ” để nhằm hệ thống hóa các quy định được đề cập đến trong quy tắc về đạo đức nghề nghiệp của cán bộ lưu trữ.

### **1.2.4. Góc độ tiếp cận của các công trình nghiên cứu**

- Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ Triết học
- Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ Khoa học Quản lý
- Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ Hành chính học
- Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ pháp luật
- Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ Lưu trữ học

Qua đó, kết quả khảo sát trên cho thấy ở góc độ Khoa học Quản lý đã có nhiều công trình nghiên cứu về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, còn số lượng công trình nghiên cứu về lưu trữ học chỉ có ít công trình nghiên cứu.

### **1.3. Những vấn đề đã được nghiên cứu**

#### **1.3.1. Những nghiên cứu về các khái niệm liên quan**

##### **a. Những nghiên cứu về đạo đức**

\*Biểu hiện của đạo đức gồm: những tiêu chuẩn, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, để nhờ đó con người tự điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội.

##### **b. Những nghiên cứu về đạo đức công vụ**

Các tác giả đã xác định hệ thống các yêu cầu, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức để thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh “*việc tuyển chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ phải chú ý đến đức và tài trong đó đức là gốc, là căn bản*” [60,tr.58]

##### **c. Những nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

Những nghiên cứu nêu trên đã cho thấy yêu cầu cần phải có các quy định về ĐĐNN vì căn cứ vào đó để mỗi NLLT có thể soi mình trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Một số các công trình nghiên cứu về ĐĐNN của NLLT đã cho thấy sự cần thiết phải có và vai trò của nó đối với việc nâng cao hiệu suất, chất lượng đối với ngành lưu trữ. Nhân lực làm công tác lưu trữ có trình độ chuyên môn cao sẽ có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp của mình.

#### **1.3.2. Những nghiên cứu về vai trò và tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đối với người làm lưu trữ**

Bài viết “*Vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong việc tạo dựng niềm tin nơi công chúng*” của tác giả Glenn Dingwall đã được trao giải Theodore Calvin Pease năm 2003 viết cho chương trình giảng dạy khóa học Thạc sỹ nghiên cứu Lưu trữ tại Trường Đại học British Columbia. Bài viết này xem xét vai trò ĐĐNN của các nhà lưu trữ đối với công chúng. Bài viết kết luận rằng đạo ĐĐNN góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp đối với các nhà lưu trữ, đồng thời có thể nâng cao khả năng phục vụ công chúng.

#### **1.3.3. Những nghiên cứu về xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

Việc đặt ra các quy tắc về ĐĐNN cho NLLT đã được các nước quan tâm và đặt ra các quy định và ở một số nước do các Hiệp hội Lưu trữ thực hiện.

Việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề lưu trữ cần phải dựa trên những nguyên tắc mang tính đặc thù nghề nghiệp của nghề lưu trữ.

Khi xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho viên chức lưu trữ phải đáp ứng đúng các yêu cầu trong công tác lưu trữ.

Quy trình thực hiện công tác này cần phải dựa trên cơ sở lý luận để xây dựng các tiêu chuẩn cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

#### **1.3.4. Nhận xét**

Trong các công trình nghiên cứu về đạo đức, đạo đức công vụ, ĐĐNN, ĐĐNN của NLLT, xây dựng TCĐĐNN, số lượng các công trình nghiên cứu về Đạo đức công vụ, ĐĐNN là nhiều nhất nhưng số lượng các công trình

nghiên cứu về xây dựng tiêu chuẩn ĐĐNN của NLLT là gần như rất ít công trình nghiên cứu như đã trình bày ở (mục 1.3.3). Đặc biệt là trong các công trình này chưa có công trình nào nghiên cứu về tổ chức thực hiện ĐĐNN của NLLT là chưa được đề cập đến.

#### **1.4. Những vấn đề đặt ra và cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án**

Trên cơ sở kết quả tổng quan, tác giả nhận thấy, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu, nhưng vấn đề xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn ĐĐNN của NLLT vẫn còn nhiều khoảng trống như:

- Cơ sở khoa học để xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNNN của NLLT ở Việt Nam.

- Xây dựng và hoàn thiện các TCĐĐNNN của NLLT ở Việt Nam.

- Rà soát các tiêu chuẩn và bổ sung các tiêu chí về ĐĐNNN đối với người làm lưu trữ.

- Xác định các tiêu chí cụ thể cho từng tiêu chuẩn

- Tổ chức thực hiện các TCĐĐNNN của NLLT

Để góp phần làm rõ những vấn đề trên, luận án của tác giả đặt ra và tập trung vào một số vấn đề sau:

*Một là:* Cần làm rõ hơn cơ sở lý luận và xây dựng hoàn thiện TC ĐĐNN của NLLT

*Hai là:* Khảo sát, đánh giá quá trình và kết quả xây dựng tiêu chuẩn đạo đức đối với người làm lưu trữ ở Việt Nam

*Ba là:* Chỉ ra những vấn đề cần hoàn thiện trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện tiêu chuẩn đạo đức đối với người làm lưu trữ

*Bốn là:* Nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

## **Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LÀM LƯU TRỮ**

### **2.1. Lý luận về đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### **2.1.1. Khái niệm đạo đức**

##### **a. Đạo đức**

Trong Luận án này thì khái niệm đạo đức được hiểu: *là những nguyên tắc, chuẩn mực xã hội dùng để điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội.*

*“Lương tâm là yếu tố nội tâm tạo cho mỗi người khả năng tự đánh giá hành vi của mình về mặt đạo đức, và do đó tự điều chỉnh hành vi của mình”*

[72, tr.566] Như vậy pháp luật và đạo đức đều chứa đựng những quy tắc xử sự chung nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và định hướng cho sự phát triển của xã hội. Trong mối quan hệ với đạo đức, pháp luật có nhiệm vụ bảo vệ và thực hiện các giá trị đạo đức. Theo đó đạo đức chính là cái gốc, pháp luật là chuẩn. Pháp luật lúc này trở thành pháp lý cho việc thực hiện các giá trị đạo đức.

## ***b. Phân loại đạo đức***

### ***\* Đạo đức cá nhân***

Đạo đức cá nhân chi phối lớn đến ĐĐNN. Mỗi ngành nghề khác nhau thì cần những đức tính khác nhau. Trong đó bao gồm các đức tính như: tính trung thực, tính công bằng, tính toàn vẹn, tính trung thành, tính hợp tác, tính trách nhiệm, tính thích thú, tính cống hiến... các đức tính này thể hiện qua các hành vi nhỏ nhất và góp phần chi phối ĐĐNN. Trong đó bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ. Năng lực chuyên môn và hiểu biết xã hội có tác động trực tiếp đến ĐĐNN, đây được xem là nguyên tắc cơ bản. Nếu không đủ năng lực thì không nên làm bởi nó quyết định đến chất lượng công việc. Mỗi nền văn hóa khác nhau có quy định khác nhau về ĐĐNN vì vậy năng lực hành nghề và hiểu biết xã hội góp phần chi phối tới mỗi người trong quá trình hành nghề.

### ***\* Đạo đức xã hội***

Trong quá trình sinh sống của cộng đồng sẽ hình thành những nguyên tắc và chuẩn mực sống, quan niệm đạo đức sẽ được hình thành như một hệ thống giá trị chung cho cộng đồng đó. Đạo đức xã hội được hình thành trên cơ sở những nguyên tắc và chuẩn mực được hình thành trong cộng đồng đó được họ tuân theo và làm phương thức điều chỉnh hành vi của cộng đồng người. Qua đó họ ứng xử, quan hệ với nhau và cùng tồn tại, vận động và phát triển thông qua việc các thành viên trong xã hội cùng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật để cùng xây dựng xã hội.

### ***\* Đạo đức công vụ***

Có nhiều quan điểm khác nhau về đạo đức công vụ:

Từ những quan điểm nêu trên có thể hiểu: *Đạo đức công vụ là hệ thống những quy tắc, quy định, nhận thức, thái độ, hành vi ứng xử của trong thi hành nhiệm vụ, công vụ nhằm xây dựng một nền hành chính chính quy, hiện đại, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.*

## ***2.1.2. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ***

### ***a. Khái niệm “nghề nghiệp”***

Vì vậy theo chúng tôi: ĐĐNN bao gồm các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực của một nghề cụ thể, trên cơ sở đó các thành viên trong mỗi nghề tự đánh giá, điều chỉnh hành vi của bản thân cho phù hợp với nhu cầu, lợi ích, mục đích và sự tiến bộ của xã hội.

Từ những khái quát trên, tác giả cho rằng: ĐĐNN là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực của đạo đức xã hội, của bản thân nghề nghiệp đối với người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó nhằm định hướng và điều chỉnh hành vi ứng xử những mối quan hệ của họ trong hoạt động của mình.

*c. Khái niệm “người làm lưu trữ”*

Như vậy, người làm lưu trữ cơ quan là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ lưu trữ cơ quan.

*d. Đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ*

Vậy có thể hiểu: Đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ là các nguyên tắc, chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của hoạt động lưu trữ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định trong công tác lưu trữ.

**2.1.3. Những yếu tố cơ bản cấu thành đạo đức nghề nghiệp và quá trình hình thành đạo đức nghề nghiệp**

**a. Các yếu tố cơ bản cấu thành đạo đức nghề nghiệp**

Nghề nghiệp gắn với kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của mỗi người và cách thức mà người đó thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp được cấu thành từ những hành vi ứng xử, gắn liền với đặc thù của nghề mà buộc mỗi người phải tuân thủ khi tham gia vào hoạt động nghề nghiệp đó. Nó vừa mang tính tự nguyện, tự giác chấp hành, nhưng đồng thời cũng mang yếu tố bắt buộc thực hiện đối với những quy định đã được ra trong các văn bản quy phạm pháp luật.

**b. Quá trình hình thành đạo đức nghề nghiệp**

Bản chất của đạo đức nghề nghiệp được hiểu theo cách tiếp cận sau:

*Thứ nhất:* quá trình hình thành và phát triển ĐĐNN là quá trình phát triển nhận thức từ tự phát (đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội) đến thể chế hóa bằng pháp luật nhà nước và cuối cùng nâng lên thành tiêu chuẩn mang tính tự giác.

Giai đoạn tự phát là giai đoạn cán bộ, viên chức phải tự nhận thức, ý thức về các giá trị, chuẩn mực hành vi, cách ứng xử, quan hệ của mỗi cá nhân trong quan hệ xã hội, trong thực thi nghề nghiệp.

Giai đoạn tuân thủ, tự giác: Quá trình hình thành ĐĐNN là một quá trình từ phát triển tự tự phát (đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội) đến giai đoạn được thể chế hóa thành pháp luật của nhà nước và các quy tắc ứng xử đối với hoạt động nghề nghiệp và cuối cùng phải nâng lên theo chuẩn mực đạo đức mang tính tự giác.

*Thứ hai:* quá trình hình thành và phát triển ĐĐNN trải qua các quá trình đào tạo tại các trường đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ (Đại học, Sau Đại học).

**2.1.4. Các yếu tố tác động và ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

**a. Tính đặc thù nghề nghiệp**

- Tính khoa học của ngành/ nghề lưu trữ

- Tính cơ mật của hoạt động lưu trữ

- Tính chính trị

b. Các yếu tố khác

\* Cơ chế kiểm soát và xử lý các vi phạm đạo đức của người làm lưu trữ

\* *Môi trường pháp lý (pháp luật NN và quy định của ngành về ĐĐNN)*

\* *Trình độ phát triển kinh tế xã hội và tác động của cơ chế thị trường*

\* *Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*

\* *Các giá trị đạo đức truyền thống, kiến thức văn hóa xã hội*

Mỗi người lao động trong thực thi nghề nghiệp của mình cần phải có tuân thủ quy định về ĐĐNN. Điều này sẽ được thể hiện thông qua các chuẩn mực hành vi của mỗi người thông qua nhiệm vụ công tác được giao đảm nhận và thực hiện để đảm bảo nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu xã hội.

## **2.2. Lý luận về xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của NLLT**

### **2.2.1. Khái niệm tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### a. Khái niệm tiêu chuẩn

Theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006 quy định: “*Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này*” [21, tr.2].

#### b. Khái niệm tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

Tiêu chuẩn đạo đức là gì? Theo từ điển Bách khoa Việt nam tập 4 năm 2007: *Tiêu chuẩn quy định những yêu cầu đạo đức cho con người, những điều nên làm và không được làm, song không phải dựa vào quyền lực nhà nước, mà dựa vào sức mạnh của tập quán và dư luận xã hội, chứ không phải do một cá nhân, một cơ quan quyền lực ban hành. Song nhìn chung, sức mạnh của tập quán và dư luận xã hội vẫn có tác dụng điều chỉnh hành vi ứng xử của con người không khác gì những quy định của pháp luật.*

Xuất phát từ những quan niệm nêu trên có thể hiểu: “*Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ là những nguyên tắc, quy định trong hoạt động nghề nghiệp có tính bắt buộc, do cơ quan nhà nước ban hành, là căn cứ để thực hiện và đánh giá đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, bộ phận lưu trữ*”. Đây được coi là những quy định buộc phải có đối với người làm CTLT để nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

### **2.2.2. Mục đích và sự cần thiết xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### a. Đối với người làm lưu trữ

Căn cứ vào các tiêu chuẩn NLLT có cơ sở để thực hiện việc rèn luyện, phấn đấu, tu dưỡng đạo đức, đánh giá bản thân thông qua những quy định bắt buộc phải tuân thủ. Căn cứ vào các tiêu chuẩn đã được ban hành, khi tham gia vào hoạt động nghề nghiệp NLLT bắt buộc phải rèn luyện bản thân, phấn đấu,



tu dưỡng để đạt đến những chuẩn mực cao hơn, điều chỉnh hành vi phù hợp và chưa phù hợp trong hoạt động nghề nghiệp.

**b. Đối với cơ quan, tổ chức**

Việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp góp phần giúp cho các cơ quan, tổ chức làm căn cứ phân loại, đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ của NLLT. Làm cơ sở phục vụ cho việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý nguồn nhân lực làm công tác lưu trữ, nâng cao ý thức, trách nhiệm của viên chức ngành Lưu trữ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và ứng xử với cơ quan, tổ chức, nhân dân. Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm đối với việc bảo vệ, bảo quản an toàn và phát huy giá trị TLLT.

**2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ trong thời gian tới**

**a. Xu hướng hội nhập quốc tế**

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cần hướng đến xây dựng một nền hành chính trong sạch, minh bạch, chuyên nghiệp, dân chủ là mục tiêu của công cuộc cải cách hành chính.

**b. Sự tác động của công cuộc chuyển đổi số**

Với sự bùng nổ của công nghệ 4.0 và công cuộc chuyển đổi số đã khiến cho tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phải thay đổi lại các nhìn nhận bản thân và biến đó thành hành động qua việc: chăm chỉ, tìm tòi sáng tạo, cung cấp cho họ những thông tin cần biết để họ chủ động biến đổi mình cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số như: tự trang bị thêm khối kiến thức, kỹ năng, thái độ trong xử lý và giải quyết công việc của người làm lưu trữ.

**2.2.4. Trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

**a. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

Trong quá trình tổ chức thực hiện xây dựng tiêu chuẩn ĐĐNN của NLLT Bộ Nội vụ đã phân công Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước tham mưu giúp Bộ Nội vụ biên soạn các văn bản quy định về vấn đề này.

**b. Trách nhiệm của Cục Văn thư, Lưu trữ Nhà nước**

Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước được giao nhiệm vụ tham mưu Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác VTLT.

**c. Trách nhiệm của Hiệp hội Lưu trữ (Hội Văn thư, Lưu trữ Việt Nam)**

Ở Việt Nam Hội Văn thư Lưu trữ Việt Nam được thành lập và hoạt động từ 2001 đến nay. Trong quá trình hoạt động thành viên của Hội Văn thư Lưu trữ Việt Nam đã tham gia đóng góp nhiều công trình khoa học cho quốc gia như: tham gia soạn thảo Luật Lưu trữ, các văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ, quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp, tọa đàm khoa học, góp ý sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ.

### **2.2.5. Nguyên tắc, yêu cầu, quy trình, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### **a. Nguyên tắc**

-Việc xây dựng TCĐĐNN của NLLT phải dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn đạo đức công vụ chung

-Việc xây dựng TCĐĐNN của NLLT phải dựa trên cơ sở các quy định về trách nhiệm, yêu cầu đối với người làm lưu trữ:

-Việc xây dựng TCĐĐNN của NLLT cần dựa vào đặc trưng văn hóa của người Việt Nam để đề cao tính cách, khí chất của người Việt Nam trong việc đặt ra các tiêu chuẩn.

#### **b. Yêu cầu**

-Các TCĐĐNN của NLLT phải rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn.

-Khi xây dựng các TCĐĐNN của NLLT phải đảm bảo tính khả thi trong thực tế và phải thực hiện được trong quá trình áp dụng.

#### **c. Quy trình xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT**

Quy trình xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT có thể tham khảo và thực hiện theo quy trình đã được nghiên cứu của Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thanh Hương: “Cơ sở khoa học xây dựng, hoàn thiện chế độ đối với viên chức lưu trữ ở Việt Nam giai đoạn hiện nay” [41, tr.89] gồm các bước: Xác định vấn đề; xác định mục tiêu; xây dựng các phương án, đánh giá và lựa chọn phương án tối ưu nhất; cụ thể hóa trong văn bản pháp luật; thành lập ban soạn thảo; tổ chức soạn thảo; tổ chức lấy ý kiến dự thảo; tùy theo tính chất, nội dung dự thảo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT; cơ quan, tổ chức được phân công dự thảo chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, tổng hợp ý kiến; tổ chức pháp chế và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định dự thảo xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT; ban soạn thảo hoàn thiện bản thảo trình lên người có thẩm quyền; người có thẩm quyền xem xét, quyết định ký ban hành [27, tr.9]

d. Phương pháp xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

Bước 1: Xác định rõ phạm vi khảo sát

Bước 2: Dự kiến các TC ĐĐNN của NLLT

Bước 3: Mô tả các tiêu chí

Bước 4: Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức tiến hành khảo sát.

### **2.2.6. Tổ chức thực hiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của NLLT**

Ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện TCĐĐNN của NLLT.

Tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện TCĐĐNN cho NLLT

Đảm bảo các điều kiện để thực hiện TCĐĐNN của NLLT

Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các TCĐĐNN của NLLT.

### **Chương 3. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LÀM LƯU TRỮ**

#### **3.1. Các văn bản quy định tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ đã được ban hành**

Hiện nay tuy chưa có Luật đạo đức nghề nghiệp nhưng trong hệ thống Văn bản Quy phạm pháp luật Việt Nam đã quy định về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp như: Sắc lệnh 76/SL, Hiến pháp 2013, Luật Cán bộ Công chức 2019; Luật Lưu trữ 2011, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí 2013, Luật Phòng chống tham nhũng 2018, TT13/2014/TT-BNV, Quyết định 129/2007/QĐ-TTg, Quyết định 03/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 916/QĐ-BNV, Quyết định số 1847/QĐ-TTg, Quyết định 758/QĐ-BNV.

#### **Nhận xét chung:**

Đối với các quy định về ĐĐNN đối với công tác lưu trữ đã được quy định trong các văn bản như: Luật Lưu trữ 2011 đã quy định về đối với người làm lưu trữ những hành vi bị cấm bao gồm: những hành vi chiếm đoạt, làm hỏng, làm mất tài liệu lưu trữ; làm giả sai lệch nội dung tài liệu lưu trữ; mua bán chuyển giao, hủy trái phép tài liệu lưu trữ; sử dụng tài liệu lưu trữ vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, mang tài liệu lưu trữ ra nước ngoài trái phép.

Trong các văn bản này đã đề cập đến các chuẩn mực pháp lý, các nguyên tắc hành vi cần phải thực hiện hiện, tiêu chuẩn về ĐĐNN viên chức ngành lưu trữ. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu công việc. Bởi để đáp ứng việc giải quyết công việc đòi hỏi NLLT ngoài việc cần có ĐĐNN thì tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ được coi là yếu tố cấu thành ĐĐNN vì có chuyên môn nghiệp vụ mới làm tốt được công việc ngược lại nếu không hiểu biết về chuyên môn, sự thiếu hiểu biết sẽ dẫn đến hành vi sai lệch, ảnh hưởng đến nhận thức, gây ra hậu quả xấu trong giải quyết công việc. Mặt khác, những quy định về đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ trong chuyên môn nghiệp vụ sẽ là yếu tố tạo động lực để NLLT phấn đấu, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc. Nắm vững kiến thức chuyên môn và các khoa học liên ngành khác để vận dụng, phối hợp xử lý công việc thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trong công tác lưu trữ. Chuyên môn nghiệp vụ sẽ giúp NLLT duy trì được sự toàn vẹn của hồ sơ, ĐĐNN sẽ giúp họ chống lại áp lực nhằm thao túng bằng chứng để che giấu hoặc bóp méo sự thật. Phải bảo đảm được tính toàn vẹn của TLLT để chúng trở thành bằng chứng chân thật về những sự kiện xảy ra trong quá khứ.

#### **Hạn chế:**

Có thể thấy rằng, những quy định trong các văn bản nêu trên đã quy định về đạo đức và ĐĐNN đối với người làm lưu trữ, là cơ sở pháp lý và các chuẩn mực hành vi phải tuân thủ đối với lĩnh vực nghề nghiệp của mình. Tuy

nhiên, cần bổ sung thêm một số quy định để đảm bảo tính chặt chẽ hơn và thể hiện được sự cần thiết phải có đối với việc quản lý, bảo quản tài khối tài liệu lưu trữ vô cùng có giá trị đối với quốc gia, với xã hội, nhân dân.

### **3.2. Khảo sát việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### **3.2.1. Căn cứ để xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

##### *a. Theo hồ sơ ban hành thông tư 13/2014/TT-BNV*

Khi xây dựng Ban soạn thảo đã dựa trên căn cứ pháp lý:

Căn cứ thực tiễn; Phương pháp xây dựng; Quy trình xây dựng dự thảo

Hồ sơ xây dựng Thông tư 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ đã được xây dựng theo trình tự cơ bản đảm bảo đúng trình tự xây dựng và ban hành Thông tư. Tuy nhiên nội dung câu hỏi chưa phong phú, số lượng câu hỏi khảo sát quá ít, trong tiêu chuẩn chưa đưa ra các tiêu chí cụ thể khiến cho nội dung các tiêu chuẩn còn chung chung.

##### *b. Theo hồ sơ ban hành Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức ngành lưu trữ*

Qua nghiên cứu “Hồ sơ về việc ban hành Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp đối với công chức, viên chức ngành văn thư, lưu trữ”

Như vậy, nội dung của dự thảo cũng không thu được các ý kiến góp ý khách quan từ các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện nghề lưu trữ. Đây cũng là hạn chế trong quá trình xây dựng dự thảo bởi chưa sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để thu được kết quả phong phú hơn về nội dung này.

Bằng phương pháp phỏng vấn chuyên gia, chúng tôi nhận được câu trả về quá trình xây dựng “Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức lưu trữ” được tiến hành theo phương pháp nêu trên. Ngoài ra, các chuyên gia trong quá trình xây dựng dự thảo có tìm hiểu thêm các quy định của nước ngoài về “Quy tắc đạo đức của cán bộ lưu trữ” do Hội đồng Lưu trữ Australia biên soạn năm 1993) để biên soạn Quyết định 916/QĐ-BNV ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành “Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức ngành lưu trữ”

#### **3.2.2. Những nguyên tắc, yêu cầu, quy trình, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

##### *a. Nguyên tắc*

-Việc xây dựng TCĐĐNN của NLLT đã dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn chung

##### *b. Yêu cầu*

-Các TCĐĐNN của NLLT chưa rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn, chưa đầy đủ.

-Khi xây dựng các TCĐĐNN của NLLT đã đảm bảo tính khả thi trong thực tế và thực hiện được trong quá trình áp dụng.

c. Quy trình xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ gồm các bước:

-Xác định vấn đề

-Xác định mục tiêu

-Xây dựng các phương án, đánh giá và lựa chọn phương án tối ưu nhất

-Cụ thể hóa trong văn bản pháp luật:

+Thành lập ban soạn thảo

+Tổ chức soạn thảo

+Tổ chức lấy ý kiến dự thảo

+Tùy theo tính chất, nội dung dự thảo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT

+Cơ quan, tổ chức được phân công dự thảo chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, tổng hợp ý kiến.

+Tổ chức pháp chế và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định dự thảo xây dựng và hoàn thiện TCĐĐNN của NLLT.

+Ban soạn thảo hoàn thiện bản thảo trình lên người có thẩm quyền

+Người có thẩm quyền xem xét, quyết định ký ban hành [27, tr.8]

d. Phương pháp xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ

Bước 1: Xác định rõ phạm vi khảo sát

Bước 2: Dự kiến các TC ĐĐNN của NLLT

Bước 3: Mô tả các tiêu chí

Bước 4: Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức tiến hành khảo sát.

Qua khảo cứu quá trình xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ được quy định tại Thông tư 13/2014/TT-BNV và hồ sơ xây dựng “*Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức ngành lưu trữ*” đã được ban hành bởi Quyết định số 916/QĐ-BNV về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu vì đã được thực hiện theo trình tự như đã trình bày ở mục (2.2.5.***Nguyên tắc, yêu cầu, quy trình, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ***). Đã tiến hành theo trình tự soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc xây dựng đã được tiến hành trên cơ sở đặc thù nghề nghiệp của công tác lưu trữ để xây dựng. Quá trình xây dựng các tiêu chuẩn này cũng đã dựa trên các quy định về trách nhiệm và yêu cầu đối với NLLT.

Đã có văn bản thành lập ban soạn thảo và quá trình soạn thảo đã tiến hành khảo sát các cơ quan, tổ chức có liên quan để xin ý kiến góp ý. Trong quá trình xây dựng quy tắc ứng xử ban soạn thảo đã tham khảo các quy định của nước ngoài để nghiên cứu vận dụng cho phù hợp với đặc trưng văn hóa của người Việt Nam để đề cao tính cách, khí chất của người Việt Nam. Các quy định đã dựa trên cơ sở dựa vào đặc thù nghề nghiệp của công tác lưu trữ

để xây dựng. Các tiêu chuẩn được xây dựng khá rõ ràng, ngắn gọn và đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

Tuy nhiên, số lượng các tiêu chuẩn chưa nhiều, chưa có các tiêu chí cụ thể, chưa mô tả được các tiêu chí để làm rõ những tiêu chuẩn cần có đối với NLLT.

Cần bổ sung thêm một số tiêu chuẩn cụ thể hơn và có các tiêu chí được mô tả cụ thể.

### **3.3. Khảo sát việc tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### ***3.3.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ***

Qua khảo sát cho thấy mặc dù đã có các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ nhưng phần lớn các cơ quan chưa triển khai việc ban hành văn bản hướng dẫn việc thực hiện nội dung này một cách cụ thể mà chỉ đề cập đến chung chung trong một phần quy chế công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan,

#### ***3.3.2. Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn việc thực hiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho người làm lưu trữ***

Việc tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn việc thực hiện TCĐĐNN của NLLT sẽ giúp cho mỗi người nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cơ quan, tổ chức. Vì vậy cần phải tiến hành công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung này để NLLT luôn nâng cao nhận thức về trách nhiệm của mình đối với nghề.

Do đó việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp sẽ tăng thêm trách nhiệm nghề nghiệp cho mỗi người lao động ở trên tất cả các phương diện. Việc đặt ra các quy định của nhà nước sẽ đặt ra các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp trong đó có hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng là một yêu cầu tất yếu. Nếu làm tốt điều này sẽ hạn chế được những rủi ro đối với viên chức làm lưu trữ trong trường hợp họ bị hạn chế về năng lực trình độ, ý thức ĐĐNN chưa cao dẫn tới việc vô ý hoặc cố ý làm thất lạc hồ sơ hoặc thông tin trong hồ sơ, TLLT sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đối với an ninh chính trị, an toàn kinh tế của quốc gia.

#### ***3.3.3. Đảm bảo các điều kiện để thực hiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ***

Để thực hiện tốt các quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ cần phải đảm bảo các điều kiện để thực hiện như: trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác tuyên truyền, bố trí nguồn kinh phí, chế độ đãi ngộ cần phải được quan tâm, đầu tư thỏa đáng nhằm khích lệ động viên, khen thưởng người lao động, cơ chế vinh danh đối với những người có thành tích cao trong công tác. Tạo môi trường làm việc tích

cực nhằm tạo bầu không khí tâm lý thoải mái cho NLLT để họ yêu nghề hơn, thấy rõ giá trị của nghề nghiệp mình đang đảm nhiệm, điều này đòi hỏi sự quan tâm của lãnh đạo cơ quan đối với công tác lưu trữ.

#### **3.3.4. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

Đây là khâu quan trọng trong quá trình quản lý của cơ quan, tổ chức. Thông qua công tác kiểm tra sẽ nắm được việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ đã phù hợp với thực tiễn hay chưa phù hợp ở nội dung nào. Trong quá trình thực hiện cái nào còn bất cập để có chủ trương rà soát, sửa đổi bổ sung cho ngày càng hoàn thiện hơn các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm lưu trữ và dần dần hoàn thiện các tiêu chuẩn.

### **3.4. Nhận xét, đánh giá**

#### **3.4.1. Ưu điểm**

Việc xây dựng Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức lưu trữ được tiến hành theo trình tự quy định. Ngoài ra Bộ Nội vụ đã ban hành được Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức lưu trữ. Hai văn bản này đã giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này (Bộ Nội vụ và Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước) đặt ra các cơ sở pháp lý để phục vụ cho quá trình tuyển dụng NLLT có cơ sở để hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện.

Ngoài các cơ quan, tổ chức khác có căn cứ pháp lý để phục vụ cho quá trình tuyển dụng nguồn nhân lực làm công tác lưu trữ, đánh giá phân loại cán bộ, viên chức làm công tác lưu trữ.

Đối với NLLT căn cứ vào các quy định này để ngày càng hoàn thiện bản thân hơn và hoàn thành chức trách nhiệm vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Chủ động nâng cao tinh thần, ý thức, trách nhiệm của bản thân trong việc cập nhật quy định của pháp luật, xác định rõ nhiệm vụ cần phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có lòng yêu nghề, tận tụy vì nghề, thể hiện trong quá trình thực hiện nghiệp vụ của mình.

Qua khảo sát việc tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ cho thấy khá nhiều các cơ quan, tổ chức đã biết đến các quy định này và sử dụng đó làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, phân loại viên chức lưu trữ. Đối với người làm lưu trữ đã biết những quy định của pháp luật về vấn đề này để tuân thủ và thực hiện.

#### **3.4.2. Hạn chế**

Có thể thấy rằng, để việc xây dựng quy chế thuận lợi hơn và phù hợp với thực tiễn cần dựa vào cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và khảo sát thực tiễn khi xây dựng quy chế. Quá trình xây dựng Thông tư 13/2014/TT-BNV về cơ bản đã thực hiện theo thủ tục, trình tự nhưng số lượng câu hỏi phục vụ cho việc

xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức ngành lưu trữ còn ít. Các tiêu chuẩn đã có nhưng chưa đầy đủ và cần bổ sung thêm một số tiêu chuẩn cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Các tiêu chuẩn đưa ra còn chung chung, chưa có các tiêu chí cụ thể.

Chưa đáp ứng các đầy đủ quy trình xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ như: phương pháp lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan với cách thức triển khai như vậy là chưa phù hợp (như đã trình bày ở trên).

Mặt khác, việc vận dụng lý luận vào thực tiễn khi xây dựng quy chế chưa nhiều nên nội dung quy chế chưa đề cập đến việc ứng xử trong quá trình thực hiện nghiệp vụ (hay nói cách khác là ứng xử với tài liệu lưu trữ).

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực hiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của NLLT còn có những hạn chế nhất định như:

-Các cơ quan, tổ chức chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về vấn đề này mà chỉ đề cập ở nội dung rất nhỏ và chung chung. Chưa đề cập đến trách nhiệm cụ thể của NLLT đối với việc thực hiện các quy định về ĐĐNN. Nếu có 1 mục rõ ràng, cụ thể được đề cập trong quy chế sẽ làm cho người đọc nhận diện rõ trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

-Các cơ quan, tổ chức cần tăng cường tuyên truyền, giới thiệu, đào tạo cho NLLT hiểu được các quy định của pháp luật về ĐĐNN của NLLT.

-Lãnh đạo cơ quan cần quan tâm chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất cho công tác lưu trữ để có thêm điều kiện cần thiết phục vụ công tác lưu trữ.

-Cơ quan, tổ chức cần quan tâm đến chế độ đãi ngộ cho NLLT để tăng động lực cho người lao động.

-Nhiều cơ quan chưa tiến hành kiểm tra việc thực thi ĐĐNN của NLLT.

### **3.4.3. Nguyên nhân**

*Thứ nhất:* Bên cạnh những cán bộ lưu trữ đã nắm được quy định về đạo đức nghề nghiệp thì vẫn còn những người chưa nắm được quy định, hoặc có những người chưa biết đến đã có quy định về ĐĐNN.

*Thứ hai:* Mặc dù đã có những cơ quan, tổ chức quan tâm đến quy định về ĐĐNN trong công tác văn thư, lưu trữ nhưng tuy nhiên còn mờ nhạt, chưa rõ ràng, cụ thể về vấn đề này.

*Thứ ba:* Thực tế đã có quy định về TC ĐĐNN và tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ trong công tác nhưng bản thân người được tuyển dụng chưa thực sự nhận diện rõ nét về trách nhiệm của mình đối với nội dung này để nỗ lực hơn nữa trong chuyên môn nghiệp vụ.

*Thứ tư:* Việc xây dựng các tiêu chuẩn chưa thực sự đảm bảo tính khoa học như đã đề cập ở quá trình xây dựng “*Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp viên chức ngành lưu trữ*”.



## **Chương 4. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LÀM LƯU TRỮ**

### **4.1. Định hướng và căn cứ cơ sở để hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

#### **4.1.1. Chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xây dựng đạo đức nghề nghiệp**

Với mục tiêu cuộc cải cách hành chính trong đó xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm chính là phải tập trung vào việc “*xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất*”. Đây được xác định là nhiệm vụ chung của toàn đảng, toàn dân, ở đó con người đóng vai trò là chủ thể quyết định mọi mục tiêu, chính sách phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính.

#### **4.1.2. Bối cảnh đặt ra trong yêu cầu hội nhập và phát triển**

Chúng ta đang trong thời kỳ phát triển mạnh trên lĩnh vực chuyển đổi số các cơ quan, tổ chức phải đáp ứng yêu cầu công tác, trong đó cần xác định rõ nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định chính là người lao động phải là yếu tố then chốt quyết định hiệu suất, chất lượng công tác. Điều này đòi hỏi NLLT ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bắt buộc phải thích ứng với công cuộc chuyển đổi số và phải tích cực chủ động nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ.

### **4.2. Các giải pháp để hoàn thiện**

#### **4.2.1. rà soát các tiêu chuẩn và bổ sung các tiêu chuẩn về đạo đức người làm lưu trữ**

Chúng tôi căn cứ vào cơ sở lý luận như đã trình bày ở Chương 2; căn cứ vào cơ sở thực tiễn như đã trình bày ở Chương 3 và căn cứ vào yêu cầu mới của tình hình thực tế (như đã trình bày ở mục 4.1) chúng tôi bổ sung thêm một số tiêu chuẩn sau:

\*Đối với các tiêu chuẩn đã được quy định tại Thông tư 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ

\*Đối với Quyết định số 916/QĐ-BNV Quyết định ban hành quy tắc ứng xử ĐĐNN đối với viên chức ngành lưu trữ.

#### **4.2.2. Xác định các tiêu chí cụ thể cho từng tiêu chuẩn**

Trên cơ sở các tiêu chuẩn cần phải có đối với người làm lưu trữ, cần xác định các tiêu chí trong những tiêu chuẩn đã đề ra.

#### **4.2.3. Tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ**

Cơ quan phải ban hành VB quy định về thực hiện TCĐ ĐNN của NLLT.  
Cơ quan phải tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn việc thực hiện TCĐĐNN của NLL

Cơ quan cần đảm bảo các điều kiện để thực hiện TCĐĐNN của NLLT

Cơ quan cần tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện TCĐĐNN của NLLT

## KẾT LUẬN

Việt Nam đang thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Trong đó công tác lưu trữ giữ sứ mệnh cung cấp nguồn thông tin quá khứ phục vụ cho nhu cầu khai thác của cơ quan, tổ chức, xã hội, điều này đòi hỏi trách nhiệm của người làm lưu trữ trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Vì vậy, đạo đức nghề nghiệp là một yếu tố không thể thiếu trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công chức, viên chức đối với Đảng, nhà nước và nhân dân. Để làm tốt điều này vai trò của đạo đức nghề nghiệp đóng yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của công việc, vì vậy, việc nghiên cứu cơ sở lý luận để xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp là yêu cầu cấp thiết đối với lĩnh vực lưu trữ.

Qua quá trình nghiên cứu các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ trước đó đã ban hành chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn cần có. Hơn nữa, quy trình xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn này chưa phù hợp và theo đúng trình tự quy định. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu suất công tác và tuyển dụng sử dụng nguồn nhân lực, phân loại, đánh giá trong công tác.

Việc xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ ở Việt Nam hiện nay đã góp phần hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ ngày càng được hoàn thiện hơn. Đây là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức dùng để đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của mỗi cán bộ, công chức, viên chức.

Mặt khác, để đảm bảo tính khoa học cần đưa ra các cơ sở lý luận để làm căn cứ giúp cho việc xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ. Việc làm rõ được cơ sở khoa học của xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ sẽ góp phần thiết thực cho việc làm sáng rõ vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác này. Vì vậy, Luận án đã làm sáng rõ những vấn đề sau: Tổng kết các công trình nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp và xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp; Nghiên cứu cơ sở lý luận để xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ; làm rõ thực trạng việc thực hiện tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ; đề xuất xây dựng, hoàn thiện những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người làm lưu trữ.

Trong bối cảnh cải cách hành chính và hội nhập quốc tế hiện nay, Luận án đã dự báo về việc phát triển nguồn nhân lực làm công tác lưu trữ cần phải được đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, do đó các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cần phải được xây dựng, hoàn thiện để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Ngô Thị Kiều Oanh (2020), “Đạo đức nghề nghiệp của công chức, viên chức ngành lưu trữ trong bối cảnh cải cách hành chính”, *Tạp chí Khoa học Nội vụ*, số 36, tháng 5/2020, tr.98-103.
2. Ngô Thị Kiều Oanh (2021),”Đạo đức nghề nghiệp trong công tác văn thư, lưu trữ”, *Tạp chí Lưu trữ và Thời đại*, Tr.30-34.
3. Ngô Thị Kiều Oanh (2022), “Khôi tài liệu lưu trữ về đạo đức công vụ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III”, *Hội thảo Quốc tế “Nguồn tài liệu lưu trữ về Việt Nam – Triển vọng hợp tác và chia sẻ”*, Tháng 10-2022.
4. Ngô Thị Kiều Oanh (2022), “Chủ động để khai thác mọi tiềm năng của thông tin tài liệu lưu trữ vì đời sống xã hội – biểu hiện quan trọng của đạo đức công vụ trong nghề lưu trữ”, *Hội thảo Quốc tế “Hội thảo lần thứ nhất về các vấn đề khoa học Xã hội và Nhân văn”*.